TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-202.
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Văn Tuyên**

Ông **Nguyễn Mạnh Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về: *"Tranh chấp Ly hôn, con chung và nợ chung"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lý Thị Th, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Nông Văn Th, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội (Ngân hàng CSXH);

Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T, chức vụ: Giám đốc – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH hội huyện Na Rì (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Giá Mã T - Chức vụ: Phó giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và theo các tài liệu, chúng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lý Thị Th trình bày:

* Về hôn nhân: Năm 1997 chị Th và Anh Nông Văn Th tự nguyện chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 15/12/2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện Na, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2015 do anh Th chơi bời, không chịu khó làm ăn dẫn đến hai vợ chồng có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn và anh Th dùng tay bóp cổ và dùng dao đe dọa giết chị Th, việc anh Th bóp cổ chị Th, thì chị có báo cho Công an xã Lam Sơn (Nay là xã Sơn Thành) đến giải quyết. Kết quả giải quyết Công an xã nhắc nhở anh Th không được tái diễn hành động bóp cổ và dùng dao đe dọa chị Th. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn là anh Th chơi bời thì anh Th còn thường ghen tuông chị vô cớ dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Sau khi sống ly thân thì mỗi lần anh Th uống rượu say lại gọi điện mắng chửi chị Th nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Th.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nông Quốc H, sinh ngày 14/11/1998 và Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị Th yêu cầu anh Th trực tiếp nuôi con chung Nông Thị Lan H đến năm đủ 18 tuổi và chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Lan H định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng đến năm đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nông Quốc H đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

***** Về nợ chung: Năm 2019 anh Th vay số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì. Hiện nay dư nợ gốc vẫn còn 20.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ly hôn chị nhất trí hộ anh Th trả cho Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền nợ gốc. Anh Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Nông Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th nhất trí với ý kiến của chị Th về thời điểm bắt đầu chung sống với nhau, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Anh Th cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng mấy năm gần đây có phát sinh mâu thuẫn, có việc cãi vã nhau và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Anh Th không nhất trí với ý kiến của chị Th về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Th chơi bời, không tu chí làm ăn, có hành vi bóp cổ và dùng dao đe dọa chị Th. Anh Th trình bày về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Th nghi ngờ chị Th có

quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh Th không chơi bời, không có hành vi bóp cổ hay dùng dao đe dọa chị Th. Anh Th thừa nhận là có việc ghen tuông chị Th vì chị Th có biểu hiện nhắn tin, gọi điện thoại cho người đàn ông khác, khi anh Th bắt gặp thì tắt điện thoại, không cho anh Th kiểm tra điện thoại. Có lần anh Th đọc được tin nhắn giữa chị Th và người đàn ông khác thể hiện nội dung yêu đương nhau. Anh Th nhắc nhở và yêu cầu chị Th không được làm như vậy thì Chị Th không nghe mà còn cố tình gọi điện nói chuyện trước mặt anh Th để chọc tức anh Th. Do bực tức, nóng giận nên anh Th có mắng chửi, dành được điện thoại và đập hỏng điện thoại của chị Th. Anh Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh Th thương các con và rất mong muốn chị Th quay về đoàn tụ gia đình. Anh Th không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nông Quốc H, sinh ngày 14/11/1998 và Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nông Thị Lan H đến năm đủ 18 tuổi. Anh Th yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Lan H định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng đến năm con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nông Quốc H đã trưởng thành nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Năm 2019 anh Th đứng ra vay số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì. Hiện nay dư nợ gốc vẫn còn 20.000.000 đồng và lãi phát sinh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn với anh Th thì anh yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền nợ gốc. Anh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của số tiền nợ gốc.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH trình bày:

Ngân hàng CSXH xác nhận ngày 08/7/2019 vợ chồng Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng; người đứng tên vay là anh Th; người thừa kế khoản vay là chị Th; theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo; thời hạn cho vay 05 (Năm) năm; lãi suất 8,250%/năm; lãi suất nợ quá hạn 10,725%/năm; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/7/2024. Hiện nay dư nợ gốc vẫn còn 20.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Ngân hàng CSXH nhất trí theo thỏa thuận giữa chị Th và anh Th tại phiên hòa giải ngày 05/5/2023 là chị Th có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì. Anh Th có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm chị Th và anh Th tiếp

tục phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên phần tiền nợ gốc của mình cho đến khi trả hết toàn phần tiền nợ gốc của mình cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008, là con chung của Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th trình bày: Cháu có biết mẹ Lý Thị Thoa đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố Nông Văn Thanh. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố Nông Văn Thanh để được chăm sóc tốt nhất.

Tại phiên tòa:

Trong đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Lý Thị Th trình bày: Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với anh Th; giao con chung Nông Thị Lan H cho anh Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi và chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng cho đến khi cháu Hương đủ 18 tuổi, con chung Nông Quốc H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung chị Th nhất trí trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc, anh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc.

Bị đơn Anh Nông Văn Th trình bày: Xác nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, hay xẩy ra cãi cọ và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, nhưng anh vẫn muốn được đoàn tụ với chị Th để cùng nhau nuôi dạy con chung; nếu ly hôn thì anh Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nông Thị Lan H đến năm đủ 18 tuổi và chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, con chung Nông Quốc H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung anh Th yêu cầu chị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc, anh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của phần tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày: Tính đến ngày 03/7/2023 Chị Th anh Th còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền gốc là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 117.534,đ (Một trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng), đại diện Ngân hàng nhất trí với thỏa thuận của chị Th và anh Th về nghĩa vụ trả nợ tại phiên hòa giải ngày 05/5/2023. Yêu cầu:

Chị Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

Anh Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

Kể từ ngày 04/7/2023 anh Th và chị Th tiếp tục phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc có nghĩa vụ thanh toán, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong toàn bộ phần tiền nợ gốc của mình cho ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ *Về hôn nhân:* Chị Th được ly hôn với anh Th.

+ *Về con chung*: Giao con chung tên là Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008 cho anh Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nông Thị Lan H không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Lan H định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung*: Chị Th và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ *Về nợ chung:* Chị Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký; anh Th có nghia vụ trả số phần nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

+ *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Anh Nông Văn Th. Bị đơn Anh Nông Văn Th cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn Chị Lý Thị Th; người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng CSXH vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Th là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh Th đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo như chị Th và anh Th trình bày có khác nhau. Chị Th cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, lý do khiến chị quyết định ly hôn anh Th là do anh Th có hành vi bạo lực gia đình, anh Th bóp cổ, dùng dao đe dọa giết chị Th, chửi bới, xúc phạm chị Th và anh Th chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình. Còn anh Th không thừa nhận việc có bạo lực như bóp cổ hay dùng dao đe dọa giết chị Th, anh Th thừa nhận có ghen tuông, mắng chửi, có xô sát và có tranh lấy điện thoại, đập hỏng điện thoại của chị Th. Cả hai bên thừa nhận đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để xác định tình trang hôn nhân của chị Th và anh Th. HĐXX thấy rằng, việc chị Th trình bày anh Th có hành vi bóp cổ, dùng dao đe dọa giết chị Th, kết quả xác minh không đủ căn cứ để kết luận nội dung này và chị Th cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Như vậy, không có căn cứ để kết luận việc anh Th có hành vi bạo lực dùng tay bóp cổ và dùng dao đe dọa giết chị Th. Về nội dung chị Th cho rằng anh Th hay ghen tuông vô cớ và có lời nói chửi bới, xúc phạm chị Th. Vấn đề này, tại phiên tòa bị đơn anh Th cũng thừa nhận có nghi ngờ, ghen tuông chị Th ngoại tình với người đàn ông khác, có hành vi mắng chửi, có sự xô sát, lấy điện thoại và đập hỏng điện thoại của chị Th. Như vậy, có căn cứ để kết luận giữa chị Th và anh Th có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Th nghi ngờ, ghen tuông chị Th có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh Th có hành vi mắng chửi, lấy điện thoại và đập hỏng điện thoại của chị Th. Về phía chị Th cũng có hành động thể hiện sự không tôn trọng anh Th, thể hiện ở việc khi anh Th đọc được tin nhắn điện thoại của chị Th và người đàn ông khác thể hiện nội dung yêu đương, anh Th yêu cầu chị Th không được tái diễn nhưng chị Th đã cố tình gọi điện thoại nói chuyện trước mặt anh Th nhằm mục đích chọc tức anh Th. Việc này làm cho anh Th nổi nóng, mất kiểm soát và đã dành lấy điện thoại của chị Th rồi đập hỏng điện thoại. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Th thể hiện sự kiên quyết xin ly hôn với anh Th, còn anh Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và anh Th thương các con mong muốn chị Th quay lại đoàn tụ gia đình. HĐXX thấy rằng, mặc dù lời trình bày của các bên đương sự có khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nhưng đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của anh Th tại phiên tòa. Có căn cứ để kết luận quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Th có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do các bên không còn dành lòng tin cho nhau, các bên đã có hành vi thể hiện sự thiếu tôn trọng nhau. Các bên đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Điều này làm cho hôn nhân giữa chị Th và anh Th lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Th.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh Th có 02 con chung tên là Nông Quốc H, sinh ngày 14/11/1998 và Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008. Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2023 chị Th và anh Th đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho các bên ly hôn, cụ thể: Chị Th đồng ý cho anh Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Nông Thị Lan H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Th cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Lan H định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 20 hàng tháng. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị Th và lời trình bày của anh Th tại phiên tòa, các bên vẫn không thay đổi thỏa thuận này và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên hòa giải ngày 05/5/2023 là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung Nông Thị Lan H, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên được chấp nhận. Đối với con chung Nông Quốc H khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị Th, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Th và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp chị Th, anh Th vay số tiền 20.00.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155; ngày vay 08/7/2019; người đứng tên vay Anh Nông Văn Th; người thừa kế khoản vay Chị Lý Thị Th; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo; thời hạn cho vay 05 (Năm) năm; lãi suất 8,250%/năm; lãi suất nợ quá hạn 10,725%/năm; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/7/2024. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt đại diện ngân hàng CSXH trình bày: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/7/2023 anh Th và chị Th còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh là 117.534,đ. Đây là khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, nên cả anh Th và chị Th đều phải có nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn. Tại phiên hòa giải hòa giải ngày 05/5/2023 chị Th, anh Th và đại diện Ngân hàng CSXH đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề trả nợ chung nếu chị Th và anh Th ly hôn: Chị Th và anh Th mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ gốc và 1/2 số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho ngân hàng theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Sau khi hòa giải, không bên nào có ý kiến về sự thay đổi thỏa thuận này. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Th và đại diện của Ngân hàng CSXH, ý kiến của bị đơn anh Th tại phiên tòa đều đều nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các bên đương sự về nghĩa vụ trả nợ chung.

HĐXX thấy nội dung thỏa thuận của các bên đương sự về nghĩa vụ trả nợ chung là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Chị Th và anh Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH phần tiền gốc và lãi phát sinh như sau:

+ Chị Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

+ Anh Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

Kể từ ngày 04/7/2023 anh Th và chị Th tiếp tục phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc mà mình có nghĩa vụ thanh toán, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong toàn bộ phần tiền nợ gốc của mình cho ngân hàng.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn Chị Lý Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, theo biên lai số 0001624, ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị Th phải tiếp tục nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Án lệ số 08; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của Chị Lý Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th được ly hôn với Anh Nông Văn Th.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th. Cụ thể:

- Giao con chung Nông Thị Lan H, sinh ngày 15/7/2008 cho Anh Nông Văn Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Sau khi ly hôn Chị Lý Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lý Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Lan H định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 20 hàng tháng. Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Đối với con chung Nông Quốc H, sinh ngày 14/11/1998 đã trưởng thành nên Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lý Thị Th và Anh Nông Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể:

- Chị Lý Thị Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ (Năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

- Anh Nông Văn Th có nghĩa vụ trả phần tiền nợ gốc 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) và lãi phát sinh trên phần tiền nợ gốc tính đến ngày 03/7/2023 là 58.767,đ (Năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000715717155 cho Ngân hàng CSXH qua Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Na Rì.

Kể từ ngày 04/7/2023 Anh Nông Văn Th và Chị Lý Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Chị Lý Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, theo biên lai số 0001624, ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị Th phải tiếp tục nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6***. Về quyền kháng cáo:*** Bị đơn Anh Nông Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn Chị Lý Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội có quyền kháng cáo phần bản án

liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Võ Thanh Bình